TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 24/04/2026.
Về việc: Ly hôn,
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Nghi.
2. Bà Phạm Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Doan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Tòa án khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2026/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Căn cước công dân số: 0371820037xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021. Địa chỉ: Xóm 9 K, xã P, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1978. Căn cước công dân số: 0370780074xx. Địa chỉ: Xóm 3, xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

Vắng mặt chị H, anh Đ. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh Phan Văn Đ sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2015 tại UBND xã K, huyện K cũ, nay là UBND xã P, tỉnh Ninh Bình. Thời gian đầu khi kết hôn thì anh chị chung sống hạnh phúc nhưng nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn về tư tưởng, quan điểm sống cách làm ăn, sinh hoạt hàng ngày, mâu thuẫn diễn ra nhiều năm tháng trầm trọng vợ chồng cãi vã thường xuyên, không có lối thoát dẫn đến cuộc sống vợ chồng cảm thấy áp lực khi gặp nhau. Từ những

mẫu thuẫn trầm trọng dẫn đến bất hoà quan điểm sống, anh chị đã nhiều lần cố gắng hoà giải những bất hoà của vợ chồng nhưng không thành. Mục đích hôn nhân không đạt được do anh chị bất đồng quan điểm, cuộc sống rạn nứt tình cảm đến nay xác định không còn tình cảm, nay chị H quyết định đi đến ly hôn với anh Phan Văn Đ, cũng do khác biệt quan điểm sống, hôn nhân không trọn vẹn, không có tiếng nói chung. Nay chị H xác định cần giải thoát cho nhau nên chị H giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phan Văn Đ.

Về con chung: chị anh Phan Văn Đ không có con chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về con riêng: chị H không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai, Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn là anh Phan Văn Đ trình bày: Ạnh Đ và chị Nguyễn Thị H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 11/11/2015 tại UBND xã K, huyện K cũ, nay là xã P, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về xã K nay là xã P làm ăn sinh sống, năm 2024 anh chị về xã Đ sinh sống, nhưng vẫn đi về cả hai nơi, quá trình chung sống hơn 10 năm vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì, vì cả anh Đ và chị H đã từng đổ vỡ trong những cuộc hôn nhân trước đó nên anh Đ đã luôn cố gắng yêu thương và tôn trọng chị H, cũng như gia đình nhà chị H để vợ chồng hạnh phúc, anh luôn chăm chỉ làm ăn để mong muốn có một cuộc sống tốt đẹp nhất cho cả hai vợ chồng, anh Đ không hiểu lý do gì mà chị H xin ly hôn anh, anh mong muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn yêu thương chị H nên anh Đ không đồng ý ly hôn. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn anh vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Phan Văn Đ và chị Nguyễn Thị H không có con chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về con riêng: anh Phan Văn Đ không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Về tài sản chung (riêng) và công nợ chung (riêng): anh Phan Văn Đ và chị Nguyễn Thị H có tài sản chung là thẻ ngân hàng và hợp đồng bảo hiểm nhưng do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với anh Phan Văn Đ.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, với anh Phan Văn Đ có nơi cư trú tại: xóm 3, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và vắng mặt bị đơn anh Phan Văn Đ. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần 2 không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn Đ có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 11 năm 2015 tại UBND xã K cũ, nay là UBND xã P, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống có thời gian ở xã K, có thời gian ở xã Đ. Quá trình chung sống chị H cho rằng vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, mâu thuẫn về tư tưởng, sinh hoạt hàng này và cuộc sống nhiều áp lực, nhiều lần anh chị hòa giải nhưng không có biện pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các buổi làm việc, hòa giải tại Tòa àn chị H có trình bày những mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên chị H không cung cấp được những tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ để được Hội đồng xét xử chấp nhận

Về phía bị đơn xác định quá trình chung sống tại địa phương anh chị chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì xảy ra, cho đến thời điểm hiện tại anh Đ vẫn yêu thương chị H và thực tế thời gian vừa rồi anh vẫn lên K làm thuê và ở cùng chị H, tại phiên hòa giải anh Đ vẫn tha thiết mong muốn chị H rút đơn vợ chồng về đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đ có cung cấp đơn xin xác có xác nhận của xóm trưởng và phụ nữ xóm 3, xã Đ thể hiện: Anh Đ và chị H có kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về địa pH sinh sống có hơn mười năm sống chung với nhau không có va chạm và mâu thuẫn gì, anh chị luôn yêu thương, chia sẻ và và thông cảm với nhau, cho đến thời gian hiện tại anh chị vẫn không có mâu thuẫn gì và hiện đang chung sống hạnh phúc.

Biên bản xác minh tại UBND xã Đ thể hiện: Anh Đ và chị H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị đã về sinh sống, làm ăn và cư trú tại xóm 9, xã K cũ, năm 2024 anh chị về xã Đ làm ăn sinh sống, quá trình chung sống tại địa pH anh chị không có mâu thuẫn gì. Chính quyền sơ ở cũng không nhận được bất cứ thông tin, báo cáo gì về việc anh Đ, chị H mâu thuẫn để chính quyền cơ sở phải can thiệp hoặc hòa giải. Trong cuộc sống anh Đ là người hiền lành, chăm chỉ chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình. Hiện anh Đ đang làm cơ khí trên xã K cũ và anh chị vẫn chung sống hạnh phúc thường xuyên ăn ở và đi về cả hai nơi lúc ở cùng chị H, lúc về dưới mẹ đẻ ở xã Đ. Nay chị H xin ly hôn có thể chỉ

là chút bồng bột của anh chị, quan điểm của chính quyền cơ sở mong muốn Tòa án phân tích hòa giải để chị H rút đơn tạo cơ hội anh chị về đoàn tụ chung sống với nhau. Thực tế chị H và anh Đ cũng không có mâu thuẫn gì dẫn đến việc phải ly hôn.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ chị H và anh Đ không có mâu thuẫn trầm trọng gì để dẫn đến việc anh chị phải ly hôn. Anh Đ và chị H không có thời gian sống ly thân, mặt khác cả hai anh chị cũng đã có mười năm chung sống hạnh phúc, anh Đ và chị H đều là những người đã từng đổ vỡ trong những cuộc hôn nhân của lần trước, nên cuộc hôn nhân này anh chị phải thông cảm, chia sẻ và đồng hành cùng nhau, cho nhau cuộc sống hạnh phúc. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần có thời gian để anh chị cho nhau một cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, về đoàn tụ đề cùng xây dựng cuộc sống chung hạnh phúc. Nên không có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung, con riêng: Chị H và anh Đ không có con chung, anh chị không yêu cầu giải quyết về con riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung (riêng) và công nợ chung (riêng): Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc ly hôn với anh Phan Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003744 ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình.
- UBND xã P, tỉnh Ninh Bình.,
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh